

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ - ST

Ngày 28 tháng 11 năm 2024

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Tiến

Bà Vũ Thị Thu Liễu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Lê Nhật Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp Ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Phan Bá T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2024 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Phan Bá T từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V ngày 23/3/1996, có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, sau khi kết hôn chị và anh T ở riêng ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu cũng hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp, anh T không chịu khó làm ăn, thường xuyên uống rượu và chửi bới, đánh đập vợ con, anh T còn chửi và xúc phạm bố mẹ và anh chị em ruột của chị, anh T hay ghen tuông vô

cớ nên từ đó anh chị thường xuyên mâu thuẫn và xảy ra cãi vã. Đến năm 2020 mâu thuẫn càng tăng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn với anh T.

Tại phiên toà bị đơn anh Phan Bá T vắng mặt, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2024 anh T trình bày: Anh kết hôn với chị Phan Thị H từ ngày 23/3/1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ra ở riêng ngay. Quá trình chung sống đến năm 2018 anh bị mắc bệnh tiểu đường sau đó bị tai biến, cuộc sống khó khăn, anh cần chị ở nhà chăm sóc nhưng chị H không nghe lời anh mà tự ý đi sang nước Trung Quốc làm ăn, vợ chồng mâu thuẫn cãi chửi nhau. Đến khoảng năm 2020 chị H đã tự ý về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh thì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị H và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Chị Phan Thị H và anh Phan Bá T đều thừa nhận vợ chồng có ba con chung là Phan Thị T1 sinh ngày 17/11/2000, Phan Thị N sinh ngày 13/5/2003 và Phan Bá D sinh ngày 28/9/2012. Hiện nay cháu T1 và cháu N đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu D hiện nay khi thì ở cùng chị, khi thì ở cùng anh T. Ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu D, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị H đang làm nhân viên kinh doanh của công ty TNHH D1, lương và thu nhập hàng tháng khoảng 17.000.000đồng đến 19.000.000đồng nên chị H đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con chung. Anh T đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu D vì lý do anh hiện nay đang bị bệnh không đi làm được và anh cũng không có thu nhập gì nên anh không có điều kiện để nuôi con nhưng anh mong muốn chị H tiếp tục để cháu D ở cùng anh để bố con anh chăm sóc nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Chị Phan Thị H và anh Phan Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của cháu Phan Bá D tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2024 cháu D xin được tiếp tục ở với mẹ là chị Phan Thị H

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N cho biết: Chị H kết hôn với anh T từ ngày 23/3/1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ra ở riêng ngay. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp, cũng mâu thuẫn trong công việc

làm ăn nên từ đó anh T có mắng chửi chị H. Hiện nay chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở được khoảng 4 đến 5 năm nay, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh T, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; về con chung: Anh chị có ba con chung là Phan Thị T1, sinh ngày 17/11/2000; Phan Thị N, sinh ngày 13/5/2003 và Phan Bá D, sinh ngày 28/9/2012. Hiện nay cháu T1 và cháu N đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu D thì nên giao cho chị H được nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp vì hiện nay anh T đang ốm bệnh không đi làm được và cũng không có thu nhập gì, trong khi chị H hiện đang đi làm có lương và thu nhập ổn định.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Phan Bá T.

Về con chung: Giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phan Bá D sinh ngày 28/9/2012. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Phan Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc xin ly hôn giữa chị và anh Phan Bá T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của anh Phan Bá T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, anh T đã có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và công khai chứng cứ và tại phiên tòa, vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là đúng trình tự pháp luật.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H kết hôn với anh Phan Bá T và có đăng ký kết hôn ngày 22/3/1996 tại UBND xã N trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 03 con chung. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp, do kinh tế khó khăn, anh T thường xuyên uống rượu, chửi bới, xúc phạm chị H nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào năm 2020 nên chị H đã chuyển về bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bản thân anh T hiện nay đang bị bệnh không đi làm được nên cuộc sống ngày càng khó khăn, tuy nhiên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ trước khi anh T bị bệnh. Nay chị H xin ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy việc anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Phan Thị H kết hôn với anh Phan Bá T có ba con chung là Phan Thị T1 sinh ngày 17/11/2000; Phan Thị N sinh ngày 13/5/2003 và Phan Bá D sinh ngày 28/9/2012. Hiện nay cháu T1 và cháu N đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu D hiện nay chưa đủ 18 tuổi nên cần sự chăm sóc của bố mẹ. Xét thấy chị H là người đi làm có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện nuôi con, mặt khác anh T cũng hoàn toàn đồng ý cho chị H tiếp tục nuôi con chung là cháu D, nguyện vọng của cháu D cũng mong muốn được ở với mẹ, do vậy yêu cầu của chị H và anh T là tự nguyện phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Việc anh T yêu cầu chị H tiếp tục để cháu D ở cùng anh để bố con anh chăm sóc nhau là sự tự nguyện của chị H đối với cháu D và anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Phan Thị H và anh Phan Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Phan Bá T.

Về con chung: Giao cho chị Phan Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phan Bá D sinh ngày 28/9/2012. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Phan Thị H và anh Phan Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005078 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND N;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải

